

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST.

Ngày: 13/9/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (đòi tiền nợ)*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trương Văn Hòa;

+ Bà Lại Thị Thúy Hằng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hạnh – Kiểm Sát viên.

Ngày 13/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án KDTM thụ lý số: 34/2018/TLST-DS ngày 19/7/2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (đòi tiền nợ)*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 31/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1977; Địa chỉ: ấp 9, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H – 1993 và chị Nguyễn Thị O – 1997; Địa chỉ: ấp SN, xã XD, huyện CM, Đồng Nai.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

+ **Chị Nguyễn Thị Phương T** – 1998; Địa chỉ: ấp 9, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

+ **Em Nguyễn Thị Phương L** – 2002; Địa chỉ: ấp 9, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật cho em Phương L: chị Nguyễn Thị N – 1977, Địa chỉ: ấp 9, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 25/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Từ ngày 19/11/2016 cho đến ngày 13/7/2017, chị có bán cám chăn nuôi gà, vịt cho vợ chồng chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Văn H. Đến ngày 22/02/2017, chốt lại số cám gà mà chị O và anh H nợ chị là 198.000.000 đồng nhưng sau khi chốt thì anh H nói chưa có tiền trả, yêu cầu chờ thêm cám vịt và hẹn trả sau. Vì để chị O, anh H có thể trả số nợ cám gà nên chị đồng ý chờ thêm cám vịt cho vợ chồng chị O, anh H. Tính đến ngày 09/9/2017 thì chị chốt thêm phần nợ cám vịt của chị O, anh H là

137.426.000 đồng. Do cách tính trong sổ bị sai số tiền (nhiều hơn nhưng tính tổng lại ít hơn) nên giấy chốt nợ có sự chỉnh sửa. Tuy nhiên, để có thể giải quyết được vụ án, chị cũng thống nhất số nợ cám vịt là 127.426.000 đồng.

Từ khi chị bán cám cho vợ chồng chị O, anh H đến nay, vợ chồng anh H chỉ mới thanh toán cho chị số tiền 20.000.000 đồng (thanh toán sau ngày chốt cám vịt). Như vậy, tổng số tiền anh H, chị O còn nợ chị là 198.000.000 đồng (cám gà) + 127.426.000 đồng (cám vịt) – 20.000.000 đồng (đã trả) = 305.426.000 đồng. Nay chị yêu cầu anh H, O trả cho chị số tiền 305.426.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 09/9/2017 (là ngày chốt nợ cám vịt) đến khi trả xong nợ. Thời gian vợ chồng chị O, anh H nợ đến nay là 12 tháng 5 ngày nhưng chị N chỉ yêu cầu tính lãi tròn 12 tháng.

* Theo bị đơn là anh Phạm Văn H và anh H cũng đại diện cho chị Nguyễn Thị O trình bày: Vào khoảng năm 2017 anh có mua cám chăn nuôi gà và vịt của chị N, số lượng lấy cám bao nhiêu anh không nhớ nhưng khi chị N giao cám theo yêu cầu của vợ chồng anh thì anh hoặc vợ anh có ký nhận số bao cám. Khi anh mua cám đợt đầu là để chăn nuôi gà, tổng số tiền 2 bên có chốt lại với nhau số tiền nợ cám gà là 198.000.000 đồng và anh đã trả xong cho chị Nguyệt số tiền trên. Tuy nhiên, việc trả tiền không lập biên bản hay giấy tờ ký nhận. Còn số cám nuôi vịt đợt sau anh đã mua của chị N là 132.000.000 đồng, ngày chốt nợ cuối cùng là ngày 09/9/2017. Chữ ký trong giấy ghi nợ ngày 09/9/2017 là do anh ký. Tuy nhiên, số nợ ghi trong giấy là số tiền 127.426.000 đồng, chứ không phải là 137.426.000 đồng, giấy ghi số nợ này có sự chỉnh sửa. Sau khi chốt nợ cám vịt thì chị N có thông báo lại cho vợ chồng anh biết số nợ cám vịt là 132.000.000 đồng nên trong các buổi làm việc trước khi mở phiên tòa, anh H đồng ý trả cho chị N số nợ cám vịt là 132.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, sau khi tính toán lại thì có sự chênh lệch trong giấy ghi số bao cám và tiền do chị N cung cấp cho Tòa án nên anh chỉ đồng ý số nợ cám vịt là 127.426.000 đồng. Do vợ chồng anh đã trả cho chị N 20.000.000 đồng tiền nợ cám vịt nên nay chỉ đồng ý trả số nợ cám vịt còn lại là 107.426.000 đồng, không đồng ý trả lãi suất. Còn phần tiền cám gà 198.000.000 đồng vợ chồng anh H không đồng ý trả theo yêu cầu của chị N vì anh H xác định vợ chồng anh đã trả xong.

Anh H và chị O kết hôn năm 2015 tại UBND xã ĐĐ, huyện TK, tỉnh H D. Do chị O mới vừa sinh con, không thể tham gia làm việc tại Tòa án nên làm giấy ủy quyền cho anh H tham gia tố tụng trong vụ án này. Vợ chồng cùng nhau làm kinh tế, tạo lập tài sản và cùng lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, số tiền nợ cám vịt hiện nay là để làm kinh tế gia đình nên sẽ do cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị N.

* Tại bản tự khai ngày 30/8/2018 của người có quyền, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Phương T trình bày: Chị là con của bà N, chị không tham gia vào việc kinh doanh của mẹ, cũng không đóng góp tài sản vào để kinh doanh. Nay mẹ chị kiện vợ chồng anh H, chị O thì chị đề nghị Tòa án xử buộc vợ chồng bị đơn trả tiền cho mẹ chị.

* Tại bản tự khai ngày 30/8/2018 và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền, nghĩa vụ liên quan là em Nguyễn Thị Phương L do chị Nguyễn Thị N đại diện trình bày: cháu L là con ruột của chị N, cháu không tham gia vào việc kinh doanh của mẹ, cũng như không có đóng góp tài sản để kinh doanh. Vì vậy, việc tranh chấp giữa mẹ và vợ chồng chị O, anh H cháu không có yêu cầu gì.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa: Việc thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Từ đầu, Tòa án xác định đây là tranh chấp dân sự nhưng do nguyên đơn có đăng ký kinh doanh và bị đơn có mục đích lợi nhuận nên đây là vụ án kinh doanh thương mại, đề nghị Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật khi thụ lý vụ án.

Về việc thu thập chứng cứ: qua quá trình xét xử tại phiên tòa, HĐXX đã làm rõ nội dung tranh chấp nên có cơ sở để xác định được số nợ cầm vịt là 127.426.000 đồng và hai bên đương sự cũng thống nhất số nợ cầm gà đã chốt trước đó là 198.000.000 đồng. Anh H trình bày vợ chồng anh đã trả hết số nợ cầm gà và đã trả bớt 20.000.000 đồng trong tổng số nợ cầm vịt. Tuy nhiên, chị N chỉ thừa nhận vợ chồng anh H chỉ mới trả 20.000.000 đồng tiền nợ cầm vịt, số nợ cầm gà vợ chồng anh H chưa trả. Anh H không cung cấp được tài liệu để chứng minh cho việc vợ chồng anh đã trả nợ cầm gà cho chị N. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ cầm gà là 198.000.000 đồng + số nợ cầm vịt là 107.426.000 đồng. Do nguyên đơn có yêu cầu tính lãi và đây là vụ án kinh doanh thương mại nên đề nghị HĐXX chấp nhận mức lãi suất theo mức trung bình của 3 Ngân hàng Thương mại mà Tòa án đã có thu thập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N là đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Thị N. Ngày 12/7/2018, chị có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị O trả tiền nợ trong việc mua thức ăn chăn nuôi gà, vịt. Chị N là đại diện hộ kinh doanh (có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh) và mục đích mua thức ăn chăn nuôi của anh H và chị O là chăn nuôi gà, vịt bán để thu lợi nhuận. Theo Biên bản xác minh tại Công an xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai cung cấp: anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị O là dân thường trú tại ấp SN, xã XD, huyện CM (BL 24). Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động KDTM cụ thể là Đòi tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Trước đây, do không kiểm tra việc nguyên đơn có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận nên Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự và vào sổ dân sự nên các ký hiệu trong các văn bản tố tụng trước đây là theo ký hiệu DSST. Nay xác định là vụ án KDTM nên số bản án phát hành, Tòa án vẫn lấy theo sổ sổ dân sự nhưng ký hiệu bản án sẽ là KDTM-ST.

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Thị Phương L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Cháu Phương L dưới 18 tuổi nên chị N (là mẹ ruột) được xác định là đại diện theo pháp luật cho cháu tham gia tại phiên tòa. Chị Nguyễn Thị O vắng mặt nhưng có giấy ủy quyền cho anh Phạm Văn H. Vì vậy, xét thấy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Mặc dù bị đơn là anh H không xác định được thời gian bắt đầu mua cám của chị N nhưng anh cũng xác định ngày ký xác nhận nợ cám vịt cuối cùng là ngày 09/9/2017. Và dù nguyên đơn cho rằng số tiền nợ cám vịt của vợ chồng anh Hiếu nhiều hơn nhưng tại phiên tòa hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền mua cám gà của chị O, anh H là 198.000.000 đồng và tiền mua cám vịt là 127.426.000 đồng. Tuy nhiên, cả 2 đều không thống nhất với nhau là: theo bị đơn là anh Phạm Văn H cho rằng: vợ chồng anh đã trả hết số tiền nợ cám gà là 198.000.000 đồng và trả bớt 20.000.000 đồng tiền nợ cám vịt cho chị N, chỉ còn nợ chị N số tiền cám vịt là 107.426.000 đồng nhưng anh H không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả tiền cho chị N do lúc trả tiền thì hai bên không viết giấy tờ. Chị N thì cho rằng vợ chồng anh H, chị O sau khi mua cám gà và cám vịt đã nợ chị tổng số tiền là 198.000.000 đồng (cám gà) + 127.426.000 đồng (cám vịt) = 325.426.000 đồng và chỉ mới trả cho chị số tiền 20.000.000 đồng, chị có ghi vào sổ theo dõi của chị. Hiện số tiền anh H, chị O còn nợ chị là 305.426.000 đồng.

Xét lời trình bày của cả 2 bên và các chứng cứ trong hồ sơ nhận thấy: Việc anh H và chị O có mua cám của chị N để phục vụ cho việc chăn nuôi gà, vịt với số tiền nợ cám chăn nuôi gà đợt đầu là 198.000.000 đồng và tiền nợ cám chăn nuôi vịt đợt 2 là 127.426.000 đồng là có thật. Anh H cũng đã thừa nhận toàn bộ số tiền nợ trên. Tuy nhiên, anh H cho rằng vợ chồng anh đã trả xong số tiền nợ cám gà là 198.000.000 đồng và trả 20.000.000 đồng tiền nợ cám vịt, chỉ còn nợ chị N 107.426.000 đồng tiền cám vịt. Tuy nhiên chị N không thừa nhận việc bị đơn đã trả nợ tiền cám gà và phía bị đơn cũng không chứng minh được việc trả nợ tiền cám gà của mình. Căn cứ vào lời khai nhận của bị đơn, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Vì chị O và anh H là vợ chồng, hiện chung sống với nhau và mục đích mua cám của chị N là để làm kinh tế gia đình nên số tiền nợ trên là nợ chung vợ chồng nên cần buộc anh H và chị O cùng trả cho chị N số tiền là 305.426.000 đồng.

Xét yêu cầu của chị N về việc buộc vợ chồng anh H, chị O trả lãi tính từ ngày chót nợ cuối cùng là ngày 09/9/2017 nhận thấy: Anh H thừa nhận việc mua cám gà trước, sau đó mới mua cám vịt nên ngày 09/9/2017 là ngày chót nợ cám vịt. Vậy nên, vì các bên không thỏa thuận ngày thanh toán nên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 440 BLDS 2015 quy định *“Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*. Đồng thời theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Như vậy, do các bên không thỏa thuận với nhau về thời gian thanh toán tiền khi mua hàng (cám) nên khi bên bán là chị Nt đã giao cám cho bên mua là chị O, anh H thì buộc chị O, anh H phải trả tiền cho chị N nhưng sau khi chót nợ là ngày 09/9/2017 chị O, anh H vẫn không trả tiền nên việc chị N đề nghị anh H, chị O trả lãi

từ ngày 09/9/2017 là phù hợp. Tính đến ngày 13/9/2018 là 12 tháng 5 ngày nhưng chỉ N yêu cầu tính tròn là 12 tháng. Xét yêu cầu trên là phù hợp nên ghi nhận.

Xét mức lãi suất chỉ N yêu cầu anh H, chị O trả là 1%/tháng, nhận thấy: theo xác minh về lãi suất của các ngân hàng trên thị trường tính theo mức lãi trung hạn của 03 Ngân hàng là 11,933%/năm, tức 0.994%/tháng. Vì vậy, mức lãi suất HĐXX chấp nhận buộc bị đơn trả cho nguyên đơn là 0.994%/tháng.

Như vậy, số tiền lãi suất chấp nhận theo yêu cầu của chỉ N buộc anh H, chị O phải trả là $(305.426.000 \text{ đồng} \times 0.994\%/\text{tháng}) \times 12 \text{ tháng} = 36.431.000 \text{ đồng}$.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, anh H và chị O còn phải chịu lãi suất chậm trả với mức lãi là 0,994%/tháng, tương ứng với số tiền gốc và thời gian chậm trả.

[3] Về án phí: Buộc anh H, chị O phải nộp án phí KDTM sơ thẩm cho số tiền buộc trả $341.857.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.092.850 \text{ đồng}$.

* Về quan điểm của VKSND huyện Cẩm Mỹ phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật TTDS;

- Khoản 2, 3 Điều 440 của BLDS 2015;

- Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N.

- Buộc anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị O có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị N số tiền gốc là 305.426.000 đồng (*Ba trăm lẻ năm triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) và số tiền lãi là 36.431.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng*).

Kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/9/2018), anh H và chị O còn phải chịu lãi suất chậm trả với mức lãi là 0,994%/tháng, tương ứng với số tiền gốc và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

- Buộc anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị O nộp số tiền 17.092.850 đồng (*Mười bảy triệu chín mươi hai nghìn tám trăm năm mươi đồng*) án phí KDTM sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí là 9.447.000 đồng (*Chín triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn đồng*) mà chị N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004375 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện CM;
- THA DS huyện CM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Phạm Thị Tường Vy